BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 193/2013/TT-BTC	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn về việc thực hiện công tác giám sát của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN) đối với việc tuân thủ các quy định pháp luật của Sở giao dịch chứng khoán (sau đây viết tắt là SGDCK) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam (sau đây viết tắt là TTLKCK) trong việc tổ chức, thực hiện nghiệp vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 2. Quyền hạn và trách nhiệm của UBCKNN

1. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với SGDCK, TTLKCK, trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền.

2. Chấp thuận cho SGDCK và TTLKCK ban hành các quy chế nghiệp vụ theo quy định tại Điều 37 và Điều 45 Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; các quy trình và các văn bản khác về việc thực hiện nghiệp vụ trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát tuân thủ hàng năm đối với SGDCK và TTLKCK.

4. Thực hiện giám sát đối với SGDCK, TTLKCK theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo hoạt động của các đơn vị này được thực hiện đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (sau đây gọi tắt là giám sát tuân thủ).

5. Tạm đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán của SGDCK, hoạt động lưu ký chứng khoán của TTLKCK trong trường hợp có dấu hiệu ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

6. Xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của SGDCK và TTLKCK.

7. Báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện công tác giám sát tuân thủ quy định tại Mục 4 Thông tư này.

Điều 3. Phương thức giám sát của UBCKNN

1. UBCKNN thực hiện giám sát tuân thủ trên cơ sở báo cáo của SGDCK, TTLKCK theo quy định tại Mục 4 Thông tư này; phản ánh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên thị trường chứng khoán và các nguồn tin trên phương tiện thông tin đại chúng, cũng như qua các hoạt động phối hợp nghiệp vụ giữa UBCKNN và SGDCK, TTLKCK.

2. Trên cơ sở kế hoạch giám sát tuân thủ hàng năm, UBCKNN thực hiện kiểm tra định kỳ SGDCK, TTLKCK và tổ chức kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

Điều 4. Nghĩa vụ của SGDCK và TTLKCK

1. Ban hành các quy chế nghiệp vụ theo quy định tại Điều 37 và Điều 45 Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; các quy trình và các văn bản khác về việc thực hiện nghiệp vụ trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của SGDCK, TTLKCK Việt Nam.

2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Mục 4 Thông tư này.

3. Thực hiện lưu trữ và bảo mật đối với hồ sơ, tài liệu, chứng từ và dữ liệu về nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của UBCKNN để phục vụ công tác giám sát tuân thủ.

5. Thực hiện giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với thành viên của SGDCK, thành viên của TTLKCK, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, tổ chức và cá nhân tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán; xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy chế của SGDCK, TTLKCK theo quy định. Trường hợp vượt quá thẩm quyền SGDCK, TTLKCK có trách nhiệm báo cáo UBCKNN xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của UBCKNN theo quy định tại Thông tư này; báo cáo giải trình và kế hoạch khắc phục đối với các nội dung kết luận, kiến nghị của UBCKNN về kết quả giám sát tuân thủ.

7. Kiến nghị, đề xuất UBCKNN về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật và văn bản nghiệp vụ của SGDCK và TTLKCK cho phù hợp.

Mục 2
NỘI DUNG GIÁM SÁT TUÂN THỦ ĐỐI VỚI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 5. Giám sát hoạt động ban hành văn bản và phổ biến, tuyên truyền

Nội dung giám sát của UBCKNN đối với hoạt động này bao gồm:

1. Giám sát việc ban hành, bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ nội dung của các quy chế, quy trình và các văn bản khác điều chỉnh hoạt động nghiệp vụ của SGDCK.

2. Giám sát hoạt động phổ biến tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy trình hướng dẫn nghiệp vụ của SGDCK.

Điều 6. Giám sát hoạt động nghiệp vụ

UBCKNN thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo quy định tại Chương IV Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và giám sát tuân thủ các văn bản do SGDCK ban hành được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này đối với SGDCK về các hoạt động nghiệp vụ sau:

1. Tổ chức giao dịch chứng khoán: tổ chức, bộ máy và hoạt động vận hành hệ thống và các thị trường giao dịch chứng khoán; cung cấp thông tin, dữ

liệu giao dịch; xây dựng, quản lý bộ chỉ số thị trường và các hoạt động khác có liên quan.

2. Tổ chức giám sát giao dịch chứng khoán: Giám sát giao dịch chứng khoán do SGDCK tổ chức; giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin về giao dịch chứng khoán của SGDCK, thành viên giao dịch, các tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán do SGDCK tổ chức.

3. Tổ chức đấu giá, đấu thầu chứng khoán.

4. Thẩm định và quản lý niêm yết/đăng ký giao dịch: chấp thuận, hủy bỏ niêm yết/đăng ký giao dịch chứng khoán; giám sát điều kiện duy trì niêm yết/ đăng ký giao dịch; giám sát đối với chứng khoán bị kiểm soát, cảnh báo và tạm ngừng giao dịch; xử lý vi phạm của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch.

5. Quản lý thành viên giao dịch: Chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch; cấp, thu hồi Thẻ đại diện giao dịch; giám sát điều kiện duy trì tư cách thành viên giao dịch; xử lý vi phạm của thành viên giao dịch theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Công bố thông tin: Thực hiện chế độ công bố thông tin của SGDCK, tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch và thành viên giao dịch.

7. Hoạt động trung gian hòa giải của SGDCK đối với tranh chấp liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Hoạt động kiểm soát nội bộ của SGDCK đối với các hoạt động nghiệp vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Hoạt động triển khai và đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy trình, quy định điều chỉnh các hoạt động nghiệp vụ do SGDCK ban hành.

10. Lưu trữ, bảo mật hồ sơ, chứng từ, dữ liệu gốc.

11. Các hoạt động khác của SGDCK có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục 3
NỘI DUNG GIÁM SÁT TUÂN THỦ ĐỐI VỚI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 7. Giám sát hoạt động ban hành văn bản và phổ biến, tuyên truyền

Nội dung giám sát của UBCKNN đối với hoạt động này bao gồm:

1. Giám sát việc ban hành, bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ và nội dung của các quy chế, quy trình và các văn bản khác điều chỉnh hoạt động nghiệp vụ của TTLKCK theo đúng quy định pháp luật.

2. Giám sát hoạt động phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ của TTLKCK.

Điều 8. Giám sát đối với hoạt động nghiệp vụ

UBCKNN thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Chương V Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và giám sát tuân thủ các văn bản do TTLKCK ban hành được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này đối với TTLKCK về các hoạt động nghiệp vụ sau:

1. Quản lý thành viên của TTLKCK: Chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên; giám sát điều kiện duy trì tư cách thành viên; xử lý vi phạm đối với thành viên của TTLKCK theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đăng ký chứng khoán: Đăng ký, hủy đăng ký chứng khoán; cấp, quản lý mã chứng khoán; thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán; chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch.

3. Lưu ký chứng khoán: Mở, quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán; ký gửi, rút, cầm cố, giải tỏa chứng khoán.

4. Cấp mã số giao dịch: Cấp, quản lý mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài.

5. Chế độ báo cáo và công bố thông tin: Thực hiện chế độ công bố thông tin của TTLKCK, tổ chức phát hành; thực hiện chế độ báo cáo của TTLKCK, thành viên của TTLKCK.

6. Hoạt động bù trừ, thanh toán chứng khoán: Sửa lỗi và hủy thanh toán giao dịch; lập, quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán.

7. Lưu trữ bảo mật hồ sơ, chứng từ, dữ liệu gốc.

8. Hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo từng nghiệp vụ; đền bù thiệt hại cho khách hàng.

9. Hoạt động triển khai và đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy trình, quy định điều chỉnh các hoạt động nghiệp vụ do TTLKCK ban hành.

10. Các hoạt động khác của TTLKCK có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục 4
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 9. Báo cáo của SGDCK và TTLKCK

1. Báo cáo định kỳ

a. SGDCK và TTLKCK có trách nhiệm báo cáo UBCKNN kết quả công tác tuân thủ, giám sát tuân thủ định kỳ hàng tháng theo nội dung quy định tại

Phụ lục 01 và Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo.

b. SGDCK và TTLKCK có trách nhiệm báo cáo UBCKNN kết quả công tác tuân thủ, giám sát tuân thủ định kỳ hàng năm, trong đó đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định liên quan trong triển khai hoạt động nghiệp vụ theo các nội dung quy định tại Mục 2 và Mục 3 Thông tư này và các kiến nghị, đề xuất (nếu có) trong vòng 20 ngày làm việc đầu tiên của năm tiếp theo.

c. Các báo cáo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này được lập và gửi UBCKNN dưới dạng văn bản hoặc tệp thông tin dữ liệu điện tử.

2. Báo cáo bất thường

SGDCK và TTLKCK có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong vòng 72 giờ kể từ khi phát sinh các sự kiện sau:

a. Cảnh báo, kiểm soát và tạm ngừng giao dịch chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch trên SGDCK;

b. Tạm thời đình chỉ hoạt động lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; Thu hồi giấy chứng nhận thành viên của TTLKCK;

c. Vi phạm của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, thành viên của SGDCK, thành viên của TTLKCK thuộc thẩm quyền xử lý của UBCKNN;

d. Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến thành viên của TTLKCK, thành viên của SGDCK, hoạt động nghiệp vụ của SGDCK và TTLKCK thuộc thẩm quyền giải quyết của UBCKNN.

Đối với nội dung báo cáo bất thường quy định tại Khoản 2 Điều này, SGDCK, TTLKCK có trách nhiệm nêu rõ ý kiến đánh giá và kiến nghị phương án xử lý đối với từng trường hợp, kèm theo đầy đủ hồ sơ có liên quan.

3. Báo cáo theo yêu cầu

SGDCK, TTLKCK có trách nhiệm gửi báo cáo theo đúng nội dung và thời hạn khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN liên quan đến công tác giám sát tuân thủ.

4. Các báo cáo định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 9 Thông tư này được thể hiện dưới dạng văn bản hoặc tệp thông tin dữ liệu điện tử. SGDCK, TTLKCK có trách nhiệm lưu giữ thông tin đã báo cáo UBCKNN theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Báo cáo của UBCKNN

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ báo cáo kết quả công tác tuân thủ và giám sát tuân thủ hàng năm của SGDCK và TTLKCK theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư này, UBCKNN báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện công tác giám sát tuân thủ theo các nội dung nêu tại Mục 2 và Mục 3 Thông tư này.

Mục 5
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 02 năm 2014 và thay thế Thông tư số 151/2009/TT-BTC ngày 23/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài Chính quyết định./.

Nơi nhận:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo đầu tư và phòng chống tham nhũng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, UBCKNN;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Sở GDCK, TTLKCK Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc UBCKNN;
- Lưu: VT, UBCK.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục 1: BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THÁNG CỦA SGDCK

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 193/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của UBCKNN đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK và TTLKCK Việt Nam)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

....ngày tháng năm 20....

1. **Báo cáo đánh giá chung tình hình hoạt động của SGDCK**
2. **Về việc xây dựng văn bản**

Phân loại theo hoạt động	Ban hành mới	Sửa đổi, bổ sung	Hủy bỏ
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Quản lý giao dịch			
Thẩm định và quản lý niêm yết			
Đấu giá, đấu thầu			
Giám sát giao dịch			
Kiểm soát nội bộ			
Công bố thông tin			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện nội dung phân loại các văn bản do SGDCK ban hành theo thẩm quyền (các loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của SGDCK)

Cột 2: thể hiện số lượng văn bản SGDCK đã ban hành mới trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số lượng văn bản SGDCK đã sửa đổi, bổ sung trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số lượng văn bản SGDCK đã hủy bỏ trong kỳ báo cáo

3. Quản lý, giám sát thành viên giao dịch

3.1 Xử lý Hồ sơ chấp thuận, chấm dứt tư cách thành viên giao dịch

Thị trường	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Chấp thuận	Chấm dứt	Đình chỉ hoạt động giao dịch	Chấp thuận	Chấm dứt	Đình chỉ hoạt động giao dịch	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Niêm yết								
Đăng ký giao dịch								
Trái phiếu								
Tổng số								

Cột 1: thể hiện loại thị trường giao dịch
Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị chấp thuận tư cách thành viên giao dịch SGDCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên giao dịch SGDCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ đình chỉ hoạt động giao dịch SGDCK lập để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị chấp thuận tư cách thành viên giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo
Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đình chỉ hoạt động giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo
Cột 8: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 9: thể hiện tổng số hồ sơ chấp thuận, chấm dứt SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

3.2 Xử lý hồ sơ cấp mới, cấp lại, thu hồi thẻ đại diện giao dịch

Thị trường	Số thứ tự	Mã thành viên giao dịch	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
			Cấp mới	Cấp lại	Thu hồi	Cấp mới	Cấp lại	Thu hồi	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Niêm yết	1	001								
	2	002								
Đăng ký giao dịch	...									
	...									
Trái phiếu	n									
Tổng cộng										

Cột 1: thể hiện thị trường
Cột 2: thể hiện số thứ tự
Cột 3: thể hiện mã thành viên giao dịch
Cột 4, 5 và 6: thể hiện tổng số lượng hồ sơ cấp mới thẻ, cấp lại thẻ và thu hồi thẻ ĐDGD SGDCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 7, 8 và 9 : thể hiện tổng số lượng hồ sơ cấp mới thẻ, cấp lại thẻ và thu hồi thẻ ĐDGD SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo
Cột 10: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 11: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mới, cấp lại, gia hạn và thu hồi thẻ ĐDGD SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

3.3 Xử lý Hồ sơ vi phạm của thành viên giao dịch

Loại vi phạm	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCK xử lý	Số vụ việc giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Chế độ công bố thông tin						
Chế độ báo cáo						
Giao dịch chứng khoán						
Khác						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại vi phạm
Cột 2: thể hiện số vụ việc SGDCK phát hiện trong kỳ báo cáo (gồm số vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc phát hiện trong kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc vi phạm chưa đến mức xử lý
Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã xử ký theo thẩm quyền của SGDCK trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo, chuyển thẩm quyền UBCKNN xử lý trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK giải quyết bị quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4. Quản lý niêm yết, đăng ký giao dịch

4.1 Tiếp nhận, xử lý hồ sơ chấp thuận, hủy bỏ cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch

Thị trường	Nội dung	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Số lượng hồ sơ	Số lượng cổ phiếu	Số lượng hồ sơ	Số lượng cổ phiếu	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8
Niêm yết	Niêm yết lần đầu						
	Thay đổi						
	Hủy bỏ						
Đăng ký giao dịch	ĐKGD lần đầu						
	Thay đổi						
	Hủy bỏ						
Tổng cộng							

Cột 1: thể hiện thị trường
Cột 2: thể hiện nội dung xử lý
Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 4: thể thiện tổng số cổ phiếu tương ứng với số lượng hồ sơ phát sinh thể hiện tại cột 3
Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ niêm yết/đăng ký giao dịch SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể thiện tổng số cổ phiếu tương ứng với số lượng hồ sơ phát sinh thể hiện tại cột 5
Cột 7: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ đã lập theo quy định nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

5. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu

Loại trái phiếu	Nội dung	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Số lượng hồ sơ	Số lượng trái phiếu	Số lượng hồ sơ	Số lượng trái phiếu	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8
Chính phủ	Niêm yết						
	Hủy niêm yết						
Địa phương	Niêm yết						
	Đáo hạn						
Công ty	Niêm yết						
	Đáohạn/chuyển đổi						
Tổng cộng							

Cột 1: thể hiện loại trái phiếu
Cột 2: thể hiện nội dung xử lý
Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về giao dịch trái phiếu SGDCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 4: thể hiện tổng số trái phiếu tương ứng với số lượng hồ sơ phát sinh thể hiện tại cột 3
Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về giao dịch trái phiếu SGDCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể thiện tổng số trái phiếu tương ứng với số lượng hồ sơ phát sinh thể hiện tại cột 5
Cột 7: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 8: thể hiện tổng số hồ sơ đã lập theo quy định nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

6. Xử lý vi phạm công ty niêm yết/ đăng ký giao dịch

Loại vi phạm	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCK xử lý	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Chế độ công bố thông tin						
Chế độ báo cáo						
Giao dịch cổ phiếu quỹ						
Khác						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại vi phạm
Cột 2: thể hiện số vụ việc SGDCK phát hiện trong kỳ báo cáo (gồm số vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc phát hiện trong kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc vi phạm chưa đến mức xử lý
Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã xử ký theo thẩm quyền của SGDCK trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo, chuyển thẩm quyền UBCKNN xử lý trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK giải quyết bị quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

7. Xử lý vi phạm của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người liên quan của cổ đông nội bộ; người được ủy quyền công bố thông tin và người liên quan của người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đại chúng

Đối tượng vi phạm	**Loại vi phạm**	**Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo**	**Tổng số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo**				**Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**
			Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCKNN xử lý	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8
Cổ đông nội bộ	Công bố thông tin						
	Khác						
Cổ đông lớn	Công bố thông tin						
	Khác						
Người liên quan	Công bố thông tin						
	Khác						
Đối tượng liên quan khác	Công bố thông tin						
	Khác						
Tổng cộng							

Cột 1: thể hiện đối tượng vi phạm
Cột 2: thể hiện loại vi phạm
Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã phát hiện để xử lý trong kỳ báo cáo (gồm vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 4: thể thiện tổng số vụ việc vi phạm chưa đến mức xử lý
Cột 5: thể thiện tổng số vụ việc (thuộc thẩm quyền xử lý của SGDCK) SGDCK đã xử lý theo thẩm quyền
Cột 6: thể thiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo và chuyển hồ sơ để UBCKNN xử lý theo thẩm quyền
Cột 7: thể hiện số vụ việc đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc phát hiện nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

8. Hoạt động đấu giá, đấu thầu chứng khoán

Loại chứng khoán	Tổng số đợt đấu giá/ đấu thầu SGDCKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số đợt đấu giá/ đấu thầu SGDCKCK đã thực hiện trong kỳ báo cáo			Tổng số đợt đấu giá/ đấu thầu SGDCKCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Số đợt	Số lượng	Số đợt	Số lượng	Số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Cổ phiếu						
Trái phiếu						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán
Cột 2: thể hiện tổng số đợt đấu giá SGDCK đã nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 3: thể hiện tổng số lượng chứng khoán tương ứng với số đợt đấu giá, đấu thầu thể hiện tại cột 2
Cột 4: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK thực hiện trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số lượng chứng khoán tương ứng với số đợt đấu giá, đấu thầu thể hiện tại cột 4
Cột 6: thể hiện số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số đợt đấu giá, đấu thầu SGDCK chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

9. Hoạt động trung gian hòa giải

Số phát sinh phải hòa giải		Đã hòa giải		Số cuối kỳ báo cáo
Giao dịch chứng khoán	Khác	Giao dịch chứng khoán	Khác	
1	2	3	4	5

Cột 1: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK phát sinh trong kỳ báo cáo
Cột 2: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của SGDCK phát sinh trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 4: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của SGDCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện số hồ sơ đang giải quyết và chưa giải quyết làm trung gian hòa giải của SGDCK trong kỳ báo cáo

10. Hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán

Nội dung	Tổng số hồ sơ đã lập theo quy định trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
		Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của SGDCK	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCKNN xử lý	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí giám sát						
Khác						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung giám sát
Cột 2: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã phát hiện để xử lý trong kỳ báo cáo (gồm vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 3: thể hiện tổng số vụ việc vi phạm chưa đến mức xử lý
Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc (thuộc thẩm quyền xử lý của SGDCK) SGDCK đã xử lý theo thẩm quyền
Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc SGDCK đã báo cáo và chuyển hồ sơ để UBCKNN xử lý theo thẩm quyền
Cột 6: thể hiện số vụ việc đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc phát hiện nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

11. Công bố thông tin

Thông tin công bố	Tổng số thông tin đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Tổng số thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số thông tin giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số thông tin chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5
SGDCK				
Công ty đại chúng				
Thành viên giao dịch				
Cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, Người liên quan				
Tổng cộng				

Cột 1: thể hiện loại tổ chức công bố thông tin
Cột 2: thể hiện tổng số thông tin SGDCK đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện tổng số thông tin SGDCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 4: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 5: thể hiện tổng số thông tin đã tiếp nhận nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

12. Hoạt động kiểm soát nội bộ

Hoạt động	Số đơn vị thực hiện kiểm tra	Số lượng nội dung kiểm tra	Số lượng nội dung hoạt động nghiệp vụ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Thẩm định và quản lý niêm yết			
Đấu giá, đấu thầu			
Giám sát giao dịch			
Công bố thông tin			
Khác			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện hoạt động chuyên môn đã tiến hành kiểm tra trong kỳ báo cáo (các loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của SGDCK)
Cột 2: thể hiện tổng số đơn vị có liên quan đã kiểm tra
Cột 3: thể hiện tổng số nội dung đã kiểm tra đối với hoạt động chuyên môn thể hiện tại cột 1
Cột 4: thể hiện tổng số nội dung còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm (nếu có)

Phụ lục 2: BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THÁNG CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 193/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của UBCKNN đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK và TTLKCK Việt Nam)

1. **Báo cáo đánh giá chung tình hình hoạt động của TTLKCK**
2. **Về việc xây dựng văn bản**

Lĩnh vực điều chỉnh	Ban hành mới	Sửa đổi, bổ sung	Hủy bỏ
1	2	3	4
Quản lý thành viên			
Đăng ký chứng khoán			
Lưu ký chứng khoán			
Thanh toán bù trừ			
Cấp mã giao dịch			
Chế độ báo cáo			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện lĩnh vực điều chỉnh của các loại văn bản do TTLKCK ban hành theo thẩm quyền (các loại này có thể thay đổi theo các nội dung nghiệp vụ của TTLKCK)
Cột 2: thể hiện số lượng văn bản TTLKCK đã ban hành mới trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện số lượng văn bản TTLKCK đã sửa đổi, bổ sung trong kỳ báo cáo
Cột 4: thể hiện số lượng văn bản TTLKCK đã hủy bỏ trong kỳ báo cáo

3. Quản lý, giám sát thành viên

3.1 Xử lý Hồ sơ chấp thuận, chấm dứt tư cách thành viên

Loại thành viên	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Chấp thuận	Chấm dứt	Khác	Chấp thuận	Chấm dứt	Khác	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Thành viên lưu ký								
- Công ty chứng khoán								
- Ngân hàng lưu ký								
2. Thành viên trực tiếp								
3. Khác								
Tổng số								

Cột 1: thể hiện loại thành viên

Cột 2 và 3: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị chấp thuận tư cách thành viên, hồ sơ chấm dứt tư cách thành viên TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong)

Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ khác liên quan đến nội dung chấp thuận, chấm dứt tư cách thành viên TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ để giải quyết trong kỳ báo cáo (gồm hồ sơ đã nhận trong kỳ báo cáo và số hồ sơ kỳ trước chưa giải quyết xong)

Cột 5 và 6: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị chấp thuận tư cách thành viên, chấm dứt tư cách thành viên TTLKCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ khác liên quan đến nội dung chấp thuận, chấm dứt tư cách thành viên TTLKCK đã giải quyết xong trong kỳ báo cáo

Cột 8: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)

Cột 9: thể hiện tổng số hồ sơ TTLKCK đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

3.2 Xử lý Hồ sơ vi phạm của thành viên

Loại thành viên	Loại vi phạm	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
			Vi phạm chưa đến mức xử lý	Xử lý theo thẩm quyền của TTLKCK	Báo cáo, chuyển thẩm quyền cho UBCKNN xử lý	Số vụ việc giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8
Thành viên lưu ký							
Công ty chứng khoán	Chế độ báo cáo						
	Nghiệp vụ						
	Khác						
Ngân hàng lưu ký	Chế độ báo cáo						
	Nghiệp vụ						
	Khác						
Thành viên trực tiếp							
	Chế độ báo cáo						
	Nghiệp vụ						
	Khác						
Tổng số							

Cột 1: thể hiện loại thành viên
Cột 2: thể hiện loại vi phạm
Cột 3: thể hiện số vụ việc TTLKCK phát hiện trong kỳ báo cáo (gồm số vụ việc đã phát hiện trong kỳ báo cáo và số vụ việc phát hiện trong kỳ trước chưa giải quyết xong, chuyển sang)
Cột 4: thể hiện tổng số vi phạm chưa đến mức xử lý
Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc TTLKCK đã xử ký theo thẩm quyền của Sở giao dịch trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc TTLKCK đã báo cáo, chuyển thẩm quyền UBCKNN xử lý trong kỳ báo cáo
Cột 7: thể hiện tổng số vụ việc TTLKCK giải quyết bị quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)
Cột 8: thể hiện tổng số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4. Hoạt động đăng ký chứng khoán

4.1 Xử lý Hồ sơ đăng ký, hủy đăng ký chứng khoán

Loại nghiệp vụ	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Đăng ký lần đầu						
Đăng ký bổ sung						
Hủy đăng ký toàn bộ						
Hủy đăng ký một phần						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung hồ sơ
Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về đăng ký, hủy đăng ký TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 2
Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về đăng ký, hủy đăng ký TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4
Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4.1 Xử lý hồ sơ điều chỉnh thông tin

Đối tượng yêu cầu điều chỉnh thông tin đăng ký	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo				Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Điều chỉnh thông tin	Điều chỉnh sai sót số lượng chứng khoán sở hữu	Điều chỉnh loại chứng khoán	Điều chỉnh thông tin	Điều chỉnh sai sót số lượng chứng khoán sở hữu	Điều chỉnh loại chứng khoán	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Nhà đầu tư								
Tổ chức phát hành								
Tổng số								

Cột 1: thể hiện tên đối tượng yêu cầu TTLKCK điều chỉnh thông tin đăng ký
Cột 2, 3 và 4: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin, điều chỉnh sai sót số lượng chứng khoán sở hữu, điều chỉnh loại chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ theo quy định để xử lý trong kỳ báo cáo
Cột 5, 6 và 7: thể hiện tổng số hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin, điều chỉnh sai sót số lượng sở hữu, điều chỉnh loại chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 8: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 9: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4.2 Xử lý hồ sơ chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK

Loại chuyển quyền	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Chứng khoán đã đăng ký, lưu ký chưa niêm yết/đăng ký giao dịch						
Biếu, tặng, cho						
Thừa kế						
Giao dịch lô lẻ						
TCPH thu hồi/ mua lại của CBCNV						
Công đoàn mua lại của CBCNV						
TCPH thưởng/phân phối/bán lại cho CBCVN						
Từ Công đoàn sang CBCNV						
Chuyển quyền sở hữu của cổ đông sáng lập trong thời gian hạn chế chuyển nhượng						
TCPH thay đổi cổ đông chiến lược trong thời gian hạn chế chuyển nhượng						
Chuyển nhượng giữa NĐT ủy thác và công ty quản lý quỹ và ngược lại						
Chuyển nhượng giữa các công ty quản lý quỹ với nhau						
Chuyển QSH theo QĐ của Tòa án						
Chuyển QSH do chia tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp hoặc phân						

định lại cơ chế quản lý tài chính của doanh nghiệp						
Chuyển QSH do góp vốn bằng cổ phiếu vào doanh nghiệp						
Chuyển QSH do bán đấu giá phần vốn nhà nước						
Chuyển QSH do thực hiện chào mua công khai						
Các trường hợp khác						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại chuyển quyền
Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ về chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 2
Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4
Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4.3 Xử lý hồ sơ thực hiện quyền

Loại chứng khoán	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo			Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Thực hiện bằng tiền	Thực hiện bằng chứng khoán	Quyền tham dự đại hội cổ đông	Thực hiện bằng tiền	Thực hiện bằng chứng khoán	Quyền tham dự đại hội cổ đông		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Cổ phiếu								
Trái phiếu								
Tín phiếu								
Chứng chỉ quỹ								
Tổng cộng								

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán thực hiện quyền
Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng tiền TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng tiền TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền bằng chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ về việc thực hiện quyền tham dự đại hội cổ đông TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 8: thể hiện số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 9: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

4.4 Xử lý hồ sơ cấp mã chứng khoán

Chứng khoán	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Cấp mới	Hủy mã	Cấp mới	Hủy mã	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Cổ phiếu						
Trái phiếu						
Tín phiếu						
Chứng chỉ quỹ						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện loại chứng khoán
Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy mã chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy mã chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

5. Hoạt động lưu ký chứng khoán

Loại nghiệp vụ	Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo		Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo			Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo
	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số lượng hồ sơ	Số lượng chứng khoán	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Mở tài khoản lưu ký						
Đóng tài khoản lưu ký						
Ký gửi chứng khoán						
Rút chứng khoán						
Cầm cố chứng khoán						
Giải tỏa chứng khoán						
…						
Tổng số						

Cột 1: thể hiện loại nghiệp vụ lưu ký
Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về lưu ký chứng khoán TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với số lượng hồ sơ đã ghi tại cột 2
Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về lưu ký chứng khoán TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số chứng khoán tương ứng với tổng số hồ sơ đã ghi tại cột 4
Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

6. Hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán

6.1 Xử lý hồ sơ sửa lỗi, hủy giao dịch

Loại thành viên	Số giao dịch lỗi của thành viên		Hủy giao dịch		
	Lỗi của thành viên	Khác	Thiếu chứng khoán thanh toán	Thiếu tiền thanh toán	Khác
1	2	3	4	5	6
1. Thành viên lưu ký					
Công ty chứng khoán					
Ngân hàng lưu ký					
2. Thành viên trực tiếp					
3. Khác					
Tổng cộng					

Cột 1: thể hiện thành viên có giao dịch cần sửa, hủy
Cột 2: thể hiện số lượng giao dịch sửa giao dịch do lỗi của thành viên
Cột 3: thể hiện số lượng giao dịch sửa giao dịch vì lý do khác
Cột 4: thể hiện số lượng giao dịch hủy giao dịch do thiếu chứng khoán thanh toán
Cột 5: thể hiện số lượng giao dịch hủy giao dịch do thiếu tiền thanh toán
Cột 6: thể hiện số lượng giao dịch hủy giao dịch vì lý do khác

6.2 Sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán

Mã thành viên	Tên thành viên	Số tiền đóng góp QHTTT	Tổng số lần phát vay		Tổng số tiền vay		Tổng số tiền đã trả	
			Quỹ hỗ trợ thanh toán	Ngân hàng thanh toán	Quỹ hỗ trợ thanh toán	Ngân hàng thanh toán	Quỹ hỗ trợ thanh toán	Ngân hàng thanh toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Cột 1: thể hiện mã thành viên
Cột 2: thể hiện tên thành viên
Cột 3: thể hiện tổng số tiền đóng góp quỹ tại thời điểm báo cáo của thành viên
Cột 4: thể hiện tổng số lần QHTTT phát vay cho thành viên lưu ký tương ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số lần NHTT phát vay cho thành viên tương ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo
Cột 6: thể hiện tổng số tiền phát vay của QHTTT cho thành viên lưu ký ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo
Cột 7: thể hiện tổng số tiền phát vay của NHTT cho thành viên ứng tại cột 1, 2 tính đến thời điểm báo cáo
Cột 8: thể hiện tổng số tiền thành viên lưu ký ứng tại cột 1, 2 trả cho QHTTT cho tính đến thời điểm báo cáo
Cột 9: thể hiện tổng số tiền thành viên ứng tại cột 1, 2 trả cho NHTT cho tính đến thời điểm báo cáo

7. Hoạt động cấp mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài

Loại hình nhà đầu tư	**Tổng số hồ sơ đã nhận đầy đủ và hợp lệ theo quy định trong kỳ báo cáo**		**Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ báo cáo**			**Số hồ sơ chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo**
	Cấp	Hủy bỏ	Cấp	Hủy bỏ	Số hồ sơ giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7
Cá nhân						
Tổ chức						
Tổng số						

Cột 1: thể hiện loại chủ thể đăng ký
Cột 2: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã số giao dịch TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy bỏ mã số giao dịch TTLKCK đã nhận đầy đủ, hợp lệ trong kỳ báo cáo
Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ về cấp mã số giao dịch TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 5: thể hiện tổng số hồ sơ về hủy bỏ mã số giao dịch TTLKCK đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 6: thể hiện tổng số hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 7: thể hiện tổng số hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo

8. Hoạt động công bố thông tin

Thông tin công bố	Tổng số thông tin phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số thông tin đã công bố trong kỳ báo cáo	Số thông tin công bố quá hạn hoặc có vi phạm khác (nếu có)	Số thông tin đang xử lý trong kỳ báo cáo
1	2	3	4	5
Liên quan đến tổ chức phát hành				
Liên quan đến thành viên				
Cấp mã số giao dịch				
Khác				
Tổng cộng				

Cột 1: thể hiện thông tin công bố
Cột 2: thể hiện tổng số thông tin phát sinh trong kỳ báo cáo
Cột 3: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết trong kỳ báo cáo
Cột 4: thể hiện tổng số thông tin đã giải quyết quá hạn hoặc có vi phạm khác theo quy định (nếu có)
Cột 5: thể hiện tổng số thông tin đang xử lý trong kỳ báo cáo

9. Hoạt động kiểm soát nội bộ

Hoạt động phải kiểm tra	Số lượng nội dung kiểm tra	Số lượng hồ sơ/vụ việc kiểm tra	Số lượng hồ sơ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm
1	2	3	4
Lưu ký chứng khoán và quản lý thành viên			
Đăng ký chứng khoán			
Bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán			
Nghiên cứu phát triển và hợp tác quốc tế			
Công nghệ thông tin			
Hành chính quản trị			
Chi nhánh			
Tổng cộng			

Cột 1: thể hiện hoạt động chuyên môn đã tiến hành kiểm tra trong kỳ báo cáo
Cột 2: thể hiện tổng số lượng nội dung kiểm tra
Cột 3: thể hiện tổng số hồ sơ đã kiểm tra đối với hoạt động chuyên môn thể hiện tại cột 1
Cột 4: thể hiện tổng số hồ sơ còn chưa đạt hoặc cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm (nếu có)